

Bản án số: 85/2024/DS-ST
Ngày: 04-9-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài

sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Thủy.

Ông Phạm Hoàng Hân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 280/2024/QĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C, (viết tắt Ngân hàng).

Trụ sở: Tòa nhà CC5, Bán đảo L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Ca S, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng G.

Địa chỉ: Số A, đường H, khóm G, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau; là người đại diện theo ủy quyền (xin vắng).

Bị đơn: - Bà Bùi Mỹ N, sinh năm 1964 (xin vắng).

- Ông Trần Văn H, sinh năm 1960 (vắng).

- Anh Trần Lê N1, sinh năm 1990 (vắng).

- Anh Trần Chí H1, sinh năm 1993 (vắng).

Cùng địa chỉ: Ấp C Mỹ B, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày yêu cầu:*

Bà N đại diện hộ gia đình vay vốn tại Ngân hàng C theo các Khế ước và Hợp

đồng sau:

Số khế ước 6600000716586641 vay 20.000.000 đồng, gói vay nước sạch & vệ sinh môi trường nông thôn, ngày giải ngân 18/11/2017, hạn trả 18/11/2024, lãi suất vay 9%/năm, lãi suất quá hạn 11,7%/năm.

Hợp đồng tín dụng số 223/2021/HĐ-TD vay 20.000.000 đồng, ngày giải ngân 18/3/2021, hạn trả 18/3/2026, lãi suất vay 7,92%/năm, lãi suất quá hạn 10,296%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà **N** và hộ gia đình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà **N**, ông **H**, anh **N1**, anh **H1** liên đới thanh toán tổng số tiền vốn vay và lãi tính đến ngày xét xử (04/9/2024) là 51.166.895 đồng (trong đó vốn gốc là 40.000.000 đồng, lãi là 11.166.895 đồng) và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 05/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Khế ước và Hợp đồng tín dụng.

** Tại biên bản hòa giải ngày 20/6/2024 bị đơn bà **N** trình bày:*

Bà **N** xác định lời trình bày của đại diện **Ngân hàng C** trình bày về thời điểm vay vốn, số tiền vay và lãi suất là đúng toàn bộ. Bà có đại diện hộ gia đình vay **Ngân hàng C** 02 lần số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng.

Việc vay vốn có sự ủy quyền từ chồng bà là ông **H**, các con là **H1**, **N1**. Quá trình vay vốn do khó khăn về kinh tế nên bà **N** và gia đình chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền trên.

Bà **N** đề nghị **Ngân hàng C** đáo hạn lại hai khoản vay trên của bà và cho bà trả vốn lãi hàng tháng vì điều kiện gia đình rất khó khăn.

* Đối với bị đơn ông **Trần Văn H**, anh **Trần Lê N1**, anh **Trần Chí H1** không có văn bản phản hồi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án triệu tập ông **H**, anh **N1**, anh **H1** tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: **Ngân hàng C** với bà **Bùi Mỹ N** thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng không vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận. Quá trình giao dịch bà **N** không thanh toán nợ đến hạn theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi nợ. Xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng và bà N có đơn xin vắng mặt. Ông H, anh H1, anh N1 vắng mặt xét xử lần 02. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Quá trình giải quyết, bị đơn bà N thừa nhận việc bà N đại diện hộ gia đình giao kết với Ngân hàng theo khế ước số 6600000716586641 ngày 18/11/2019 và Hợp đồng tín dụng số 223/2021/HĐ-TD ngày 18/3/2021 nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn ông H, anh H1, anh N1 không thực hiện việc tự khai, không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa và cũng không có bất kỳ ý kiến gì về khoản tiền vay nợ gốc và lãi hay về trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chứng tỏ ông H, anh N1 và anh H1 đã từ bỏ quyền của mình và thừa nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ thì Ngân hàng C phòng giao dịch huyện N đã chấp thuận cho bà N vay nợ theo khế ước và hợp đồng tín dụng. Các bên giao kết theo trình tự, thủ tục quy định nên có cơ sở khẳng định giao dịch vay tín dụng giữa Ngân hàng với bà N là có thật.

Xét thấy việc giao kết nêu trên là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận phù hợp với quy định Luật các tổ chức tín dụng, do đó khế ước và hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên tham gia ký kết. Hơn nữa, những khoản vay nhằm mục đích phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 103 Bộ luật dân sự năm 2015 “*trách nhiệm dân sự của thành viên hộ gia đình*” nên ông H, anh H1, anh N1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà N trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/9/2024 là 51.166.895 đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

Kể từ ngày 05/9/2024 thì bà N, ông H, anh H1, anh N1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà

các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm c khoản 1 Điều 11 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **N** và ông **H** trên 60 tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Anh **H1** và anh **N1** chịu án phí theo quy định là 2.558.345 đồng. Xét giảm 50% án phí do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên anh **H1** và anh **N1** còn phải chịu 1.279.172 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm c khoản 1 Điều 11, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng C** khởi kiện bị đơn bà **Bùi Mỹ N**, ông **Trần Văn H**, anh **Trần Lê N1** và anh **Trần Chí H1**.

Buộc bà **Bùi Mỹ N**, ông **Trần Văn H**, anh **Trần Lê N1** và anh **Trần Chí H1** liên đới thanh toán cho **Ngân hàng C** tổng số tiền vốn vay và lãi suất tính đến ngày 04/9/2024 là 51.166.895 đồng (Năm mươi một triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 05/9/2024 thì bà **N**, ông **H**, anh **H1**, anh **N1** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà

khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh **Trần Lê N1** và **Trần Chí H1** chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.279.172 đồng.

Miễn án phí cho bà **Bùi Mỹ N** và ông **Trần Văn H.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh